TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ấn.

Ông Ngô Văn Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Như L, sinh năm 1970 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Đặng Như L tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2017, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong việc quản lý chi tiêu kinh tế gia đình, anh L không tin tưởng chị T, anh L thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện gây gổ với chị T. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 3 năm 2020 trở nên trầm trọng dẫn đến

việc anh chị đã sống ly thân cho đến nay và không hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung là cháu Đặng Như S, sinh ngày 29/5/2000, cháu Đặng Ánh K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Đặng Như T, sinh ngày 11/9/2007. Hiện tại, cháu S đã trưởng thành, cháu K và cháu T đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị T giao cháu K và cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đặng Như L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Đặng Như L và yêu cầu giao con chung cho anh L nuôi dưỡng nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Đặng Như L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 22/12/2000 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh L không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị T.

Thấy rằng, giữa chị T và anh L không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác

định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung là cháu Đặng Như S, sinh ngày 29/5/2000, cháu Đặng Ánh K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Đặng Như T, sinh ngày 11/9/2007. Hiện tại, cháu S đã trưởng thành, cháu K và cháu T đang sống chung với anh L. Khi ly hôn, chị T giao cháu K và cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh L trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị T, nhưng anh L không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do anh L vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị T về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu K, cháu T nên cần thiết giao hai cháu cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Nếu sau này chị T và anh L có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T trình bày không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, anh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thanh T, chị T được ly hôn với anh Đặng Như L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ánh K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Đặng Như T, sinh ngày 11/9/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49672 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm